TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 1113/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10- 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông ***Trần Đông Thiên***

- *Các hội thẩm nhân dân*: 1. Bà ***Đoàn Thị Thùy Châu***
2. Bà ***Hoàng Thị Thành***

- *Thư ký phiên tòa:* bà ***Trần Thị Hạnh*** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 902/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp "*Ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXX-ST ngày 15.10.2018 giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Kim H - sinh năm: 1972

Địa chỉ: Tổ A, Khu vực C, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn*: Chị Lê Thị Hoa S - sinh năm: 1974

Địa chỉ: Tổ A, Khu vực C, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Các bên đương sự có mặt tại phiên toà

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02.8.2018 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1990 anh và chị S tự nguyện tìm hiểu một thời gian khoảng 6 tháng, sau đó anh chị đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 nhưng không đăng kí kết hôn và từ đó cho đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau anh chị về chung sống với nhau tại xóm 1, thôn T, xã P, thành phố Q; đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, vì vậy chị S đã làm đơn xin ly hôn, nhưng sau đó chị S xin rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi chị S rút đơn khởi kiện cuộc sống chung giữa anh và

chị S vẫn không hạnh phúc, anh chị thường xuyên cãi vã, có những hành động và lời nói thiếu kiểm soát làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của nhau, cả hai không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn anh chị ngày càng trầm trọng, nhưng vì các con nên anh cố duy trì cuộc sống của vợ chồng. Nay anh nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên anh yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận anh và chị Lê Thị Hoa S là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Kim L, sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Kim L1, sinh năm 1995, sức khỏe bình thường, hiện nay hai cháu đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai cà các lời kai tiếp theo bị đơn chị Lê Thị Hoa S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất về thời gian tổ chức đám cưới và sống chung với nhau như anh H trình bày là đúng. Sau khi về sống chung, cuộc sống gia đình bình thường, đến đầu năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn nên chị làm đơn xin ly hôn anh H, nhưng sau đó được Tòa án hòa giải nên chị rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn khởi kiện cuộc sống chung giữa anh chị vẫn không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, không còn sống chung với nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên việc anh H yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa anh H và chị, chị đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Kim L - sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Kim L1 - sinh năm 1995, sức khỏe hai cháu bình thường, hiện nay hai cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị S có tổ chức lễ cưới khi về chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình. Trong quá trình chung sống hai bên xãy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, có những hành động và lời nói thiếu kiểm soát làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của nhau. Năm 2013 chị S đã một lần nộp đơn xin ly hôn, sau đó chị S rút đơn khởi kiện nhưng cuộc sống chung giữa anh và chị S vẫn không hạnh phúc. Nay anh thấy tình cảm không còn, yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị S; còn chị S cũng thống nhất, đồng ý ly hôn. HĐXX căn cứ vào các quy định điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09.6.2000; khoản 1 điều 9 Luật HNGĐ - năm 2014; điểm b khoản 2 thông tư liên

tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 03.01.2001; có đủ cơ sở tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa anh H với chị S.

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Kim L - sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Kim L1 - sinh năm 1995, sức khỏe hai cháu bình thường, hiện nay hai cháu đã trưởng thành nên anh H và chị S không yêu cầu Tòa giải quyết. Đây là ý chí tự nguyện của hai bên đương sự, sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp thuận.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Anh H và chị S thống nhất không yêu cầu Toà giải quyết, đây là ý chí tự nguyện của hai bên đương sự, sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp thuận.

* *Về án phí sơ thẩm* : Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Anh H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 12, Điều 61, Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09.6.2000; điểm b khoản 2 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 03.01.2001;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1- *Về quan hệ hôn nhân:*

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Kim H với chị Lê Thị Hoa S.

2- *Về quan hệ con chung :*

Công nhận giữa anh Nguyễn Kim H với chị Lê Thị Hoa S có 02 con chung là cháu Nguyễn Kim L, sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Kim L1, sinh năm 1995, sức khỏe bình thường, hiện nay hai cháu đã trưởng thành. Không yêu cầu toà giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản chung:* không yêu cầu toà giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm:*

- *Án phí HNGĐ-ST* : Anh Nguyễn Kim H phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 07047 ngày 04.9.2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q. Anh H đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính tứ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường sở tại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

Trần Đông Thiên